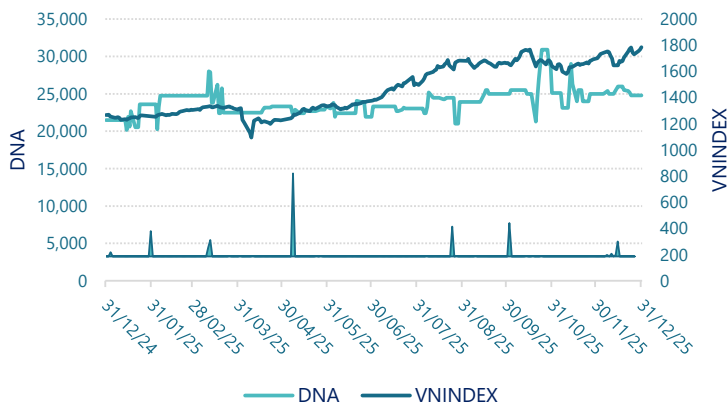




CTCP Điện nước An Giang (UPCOM: DNA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	24,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	30,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,160
SL cổ phiếu LH	56,329,567
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,865
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,397
P/E	8.5
EPS	2,902

DT thuần

Q4/25

655

tỷ VNĐ

QoQ: ▼47.0| -6.7%

YoY: ▲47.0| 7.7%

LN sau thuế

Q4/25

28.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.5| -27.2%

YoY: ▲1.20| 4.5%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

8.0%

+/- YoY: ▼0.3%

DT thuần

2025

2,752

tỷ VNĐ

YoY: ▲122| 4.6%

LN sau thuế

2025

163

tỷ VNĐ

YoY: ▲5.00| 3.8%

ROE

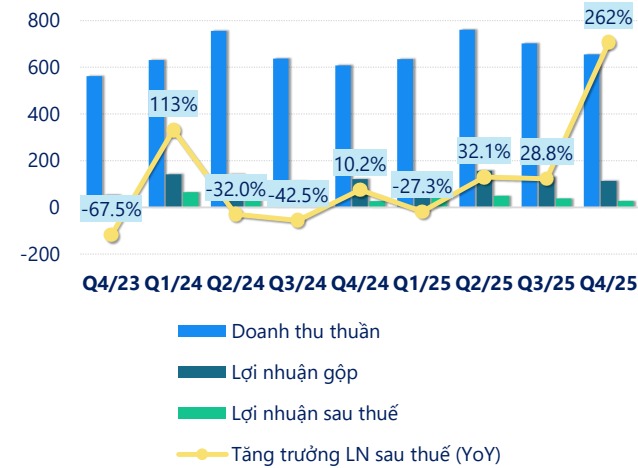
2025

19.1%

+/- YoY: ▲0.3%

tỷ VNĐ

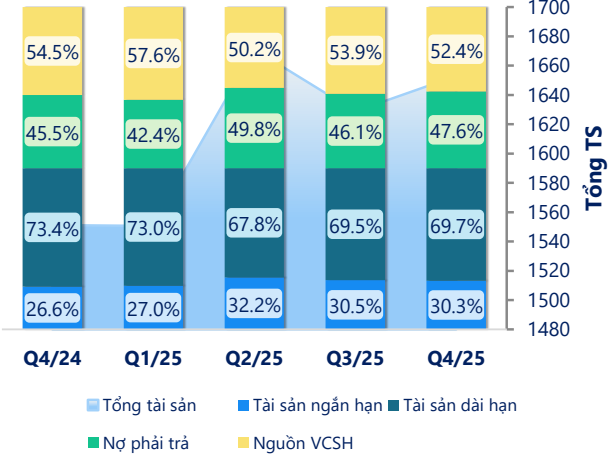
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

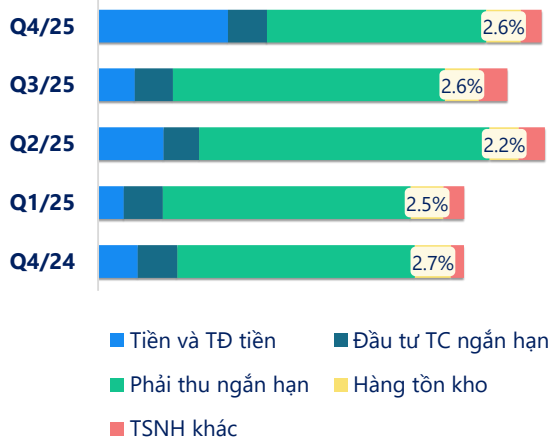
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



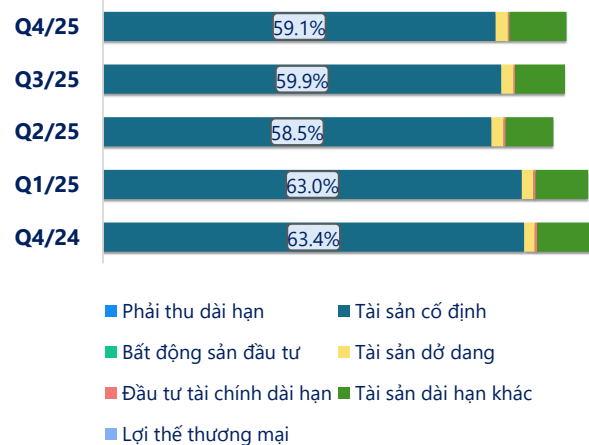
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

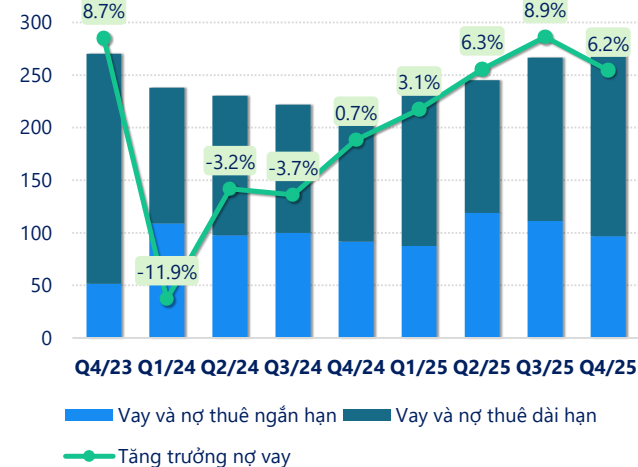
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

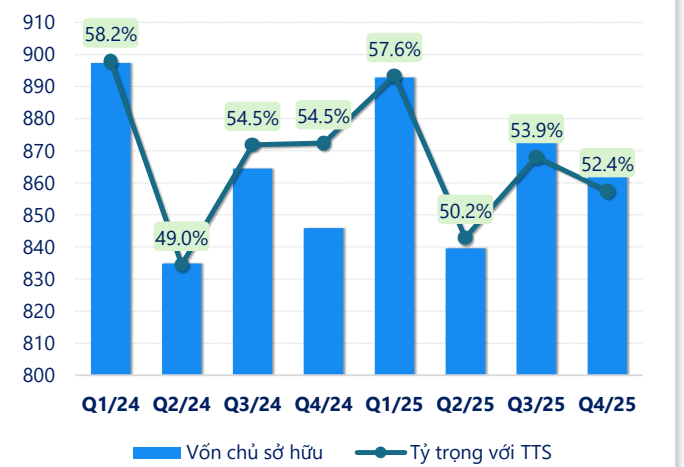
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

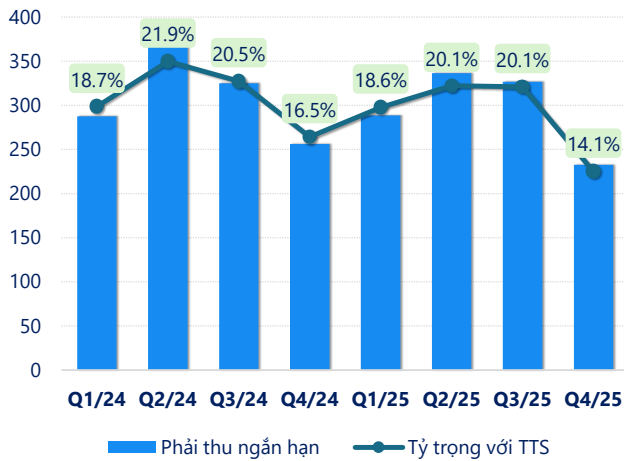
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



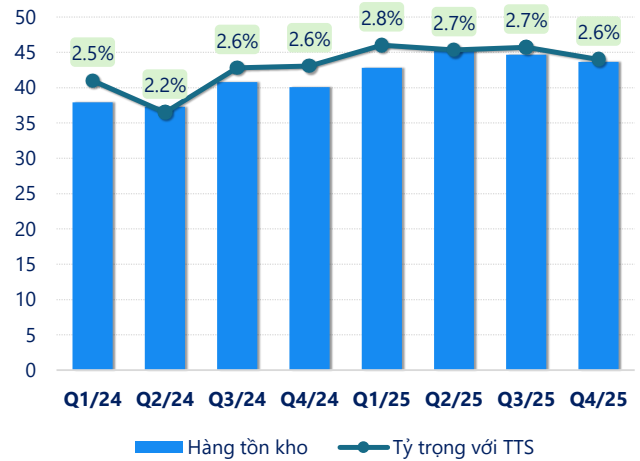
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


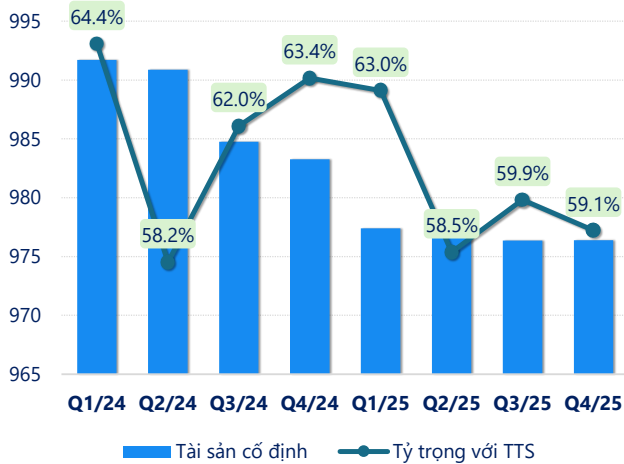
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


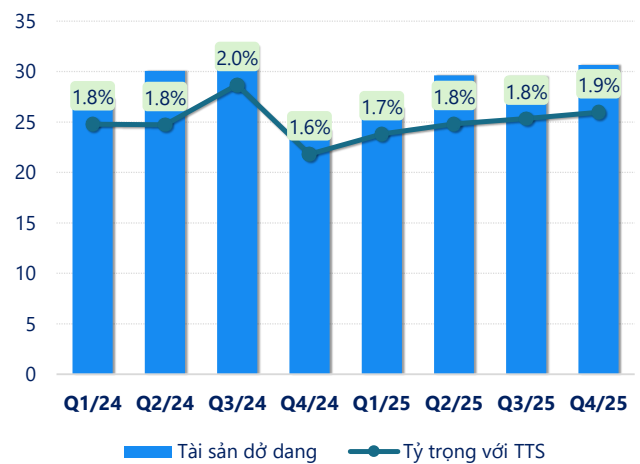
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

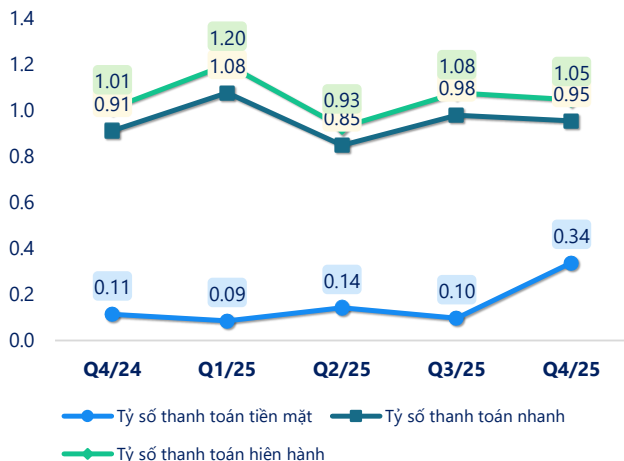
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

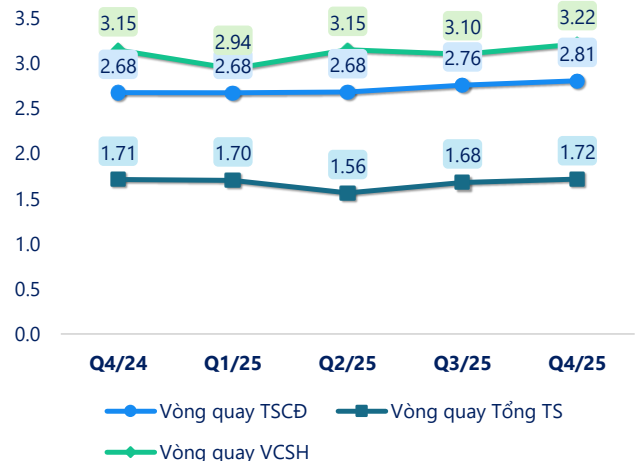
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	1,551	1,551	1,671	1,629	1,653
Tài sản ngắn hạn	412	419	539	496	500
Tiền và tương đương tiền	46.5	29.8	82.5	45.0	162
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.3	28.3	35.3	35.3	35.3
Phải thu ngắn hạn	256	289	336	327	232
Hàng tồn kho	40.1	42.8	45.5	44.7	43.6
Tài sản ngắn hạn khác	24.4	29.4	39.0	44.6	27.0
Tài sản dài hạn	1,139	1,132	1,132	1,133	1,153
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	983	977	977	976	976
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	24.2	26.4	29.6	29.5	30.7
Đầu tư tài chính dài hạn	5.58	5.58	5.58	3.58	3.58
Tài sản dài hạn khác	126	122	120	123	142
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	705	658	832	751	788
Nợ ngắn hạn	408	349	581	461	478
Vay và nợ thuê ngắn hạn	91.7	87.3	119	111	96.7
Phải trả người bán ngắn hạn	166	183	211	192	174
Nợ dài hạn	297	309	250	289	309
Vay và nợ thuê dài hạn	132	143	126	156	186
Nguồn vốn chủ sở hữu	846	893	840	878	865
Vốn chủ sở hữu	846	893	840	878	865
Vốn điều lệ	563	563	563	563	563
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)